

80
INDO-CHINOIS
1131
(2)

IN LẦN THỨ NHẤT



Quyển II

VẬN - VĂN

(Trích lục trong báo Tiếng-Dân)

Nhà in TIẾNG-DÂN giữ bản quyền



IMPRIMERIE TIẾNG-DÂN

Rue Đông - Ba

HUẾ

giá : 0\$12



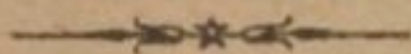
IN LẦN THỨ NHẤT

DEPOT-LEGAL
• INDOCHINE •
N^o 14906

Quyển II

VÂN - VẤN

(Trích lục trong báo Tiếng-Dân)



Nhà in TIẾNG-DÂN giữ bản-quyền



1929

IMPRIMERIE TIENG-DAN

Rue Đông - Ba

H U É



II 05/06/01

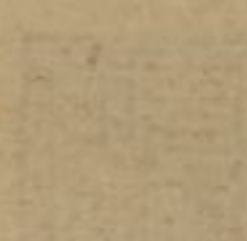
1901

1901

VĂN - VÂN

1901

1901



1901

1901

VẬN - VĂN

Vịnh cái xe-điện

(Lời một anh nhà-quê ở Thừa-Thiên)

Cái chi khi chạy lại kêu ù !
Bốn bánh tròn vin một cái mu.
Tiếng gọi âm sầm kêu trước tiốt,
Khói ra xù xít ở sau khu.
Khi ngừng đã chậm mình đi xuống,
Lúc muốn cho mau nó chạy mù.
Tự bé tới tra nay mới chộ !
Cái chi khi chạy lại kêu ù !

Thứ-khanh, PHAN-VĂN-HUU

Tức Sự

I

Sống mặc ai mà chết mặc ai,
Nhân-tình như thế thế thì thôi.
Nói càng mỗi miệng càng dơ miệng ;
Nước rưới bao giờ ngấm lá khoai.

II

Nói gió vừa rồi lại nói giăng ;
Nói thầy ai nói cứ nhẩn răng.

Người sao chẳng biết đường lui tới,
Có lẽ giờ đâu mãi rứa chẳng ???

TRÚC-NAM

Cụ Nguyễn - Trãi

Nỗi nhà nỗi nước nỗi thương sanh,
Hào—kiệt sao cho nín lặng đành.
Nước tổ nghĩ thương trăm cháu Việt,
Thù cha chẳng đội một trời Minh.
Nam-quan vút hần tình nhi—nữ,
Bắt-phạt gây nên cuộc nghĩa-bình.
Bài cáo binh-nghê gương ái-quốc,
Giở xem còn thấy vía gươm linh.

Xe nước

Vùng vẫy giang-hồ một chiếc thân,
Phong ba dôi dập biết bao lần.
Vành ngoài gòn chắc giây đoàn-thể,
Trục giữa gây thêm sức chuyển-vần.
Chả ngại chi trời nung nắng hạ,
Rấp toan vì đất tưới mưa xuân.
Nước non đã có cơ quan sẵn,
Bira cỏ xin ai gắng chữ đồng.

TÚC-TRAI

Cuộc đời

Trăm năm cuộc thế có bao lâu,
Mỏi đó mảy xanh đã bạc đầu.
Gặp dịp vênh vang hoa cợt gió,
Sa cơ lui thủi tuyết dầm râu.
Vậy nên tỉnh lại lo bay nhảy,
Hả lẽ ngồi xem cuộc bể-dâu.
Rày trắng mai đen cơ vãng phục,
Anh-hùng tạo-thế hỏi đâu đâu ???

VIỆT-NÒ

Núi Thạch-trận

(Quảng-ngãi)

Giặc giã dân đây hỏi hóa-công,
Giàn ra Thạch-Trận khéo vô cùng.
Cờ lau phơ phất choang trời đất,
Kèn gió xô xao dậy núi sông.
Thiên-ấn (1) kia ai gìn giữ đó ?
Long-dầu (1) có thể vây vùng không ?
Cảm-thành danh thắng xưa còn đó,
nhân vật này ai bác Ngọa-Long (2).

(1). — Thiên-ấn, Long-dầu, là núi có tiếng ở Quảng-ngãi.

(2). — Ngọa-Long là hiệu của ông Khổng-Mịch đời Hán, có lập bát trận bằng đá.

Đùa ông Hòa-Thượng

Một bầu sơn-thủy một vùng trăng,
Tối lại nam-mô chuỗi hạt mẩn.
Giọng mõ từ-bi khua lóc cóc,
Tiếng chuông cảnh-tĩnh đánh rầm vang.
Hoa bùa chánh-khi trừ ma my,
Niệm chữ Di-đà độ chúng tăng.
Bể khổ trầm luân ghê mấy kiếp,
Thuyền từ sao chẳng vớt muôn dân.

TÚC-TRAI

HỌA NGUYỄN-VĂN BÀI THI

« Đi Nghệ-Tĩnh »

Học-vấn sâu thêm, kiến - thức cao,
Luyện gan đảm trải mấy phong đào.
Tuổi già tò lại non sông trẻ,
Vóc lớn e gì gió cuội hao.
Thuyền thẳng cánh buồm khơi mặt đất,
Bàn lạnh tay lái cướp chân sào.
Trông ra bể khổ sông mê bấy,
Cõi thọ nền xuân trở lối vào.

N. Gi.

HỌA VĂN THƠ

« Gà gáy »

Trong số báo 34

Giắc hồ phơi phơi chúng còn mê,
Đập cánh bên tường đã tét te.

Thấy tiếng, thỏ đoài (1) ghê mặt níp,
Nghe hơi, quạ lửa (2) hả gương lò.
Cửa Tần (3) mở tạt khi kêu nóng,
Roi Tần (4) theo hầu giày múa khuya.
Thôi chớ, đồng-bào đừng ngày nữa,
Mang bầu nhiệt-huyết tỉnh mau nghe.

N. Gi.

Khúc nam-thương

I

Ngâm khúc nam-thương luống chạnh thương,
Thương chi hơn nữa khoảng đêm trường.
Thương non sông cũ pha màu tuyết,
Thương cỏ hoa cội nặng hạt sương.
Thương kiếp phù-sinh cơn tủy-mộng,
Thương hồn cố-quốc vẽ tang thương.
Ai người Yên-triệu bi ca nhỉ?
Một khúc nam-thương một đoạn trường.

II

Một khúc nam-thương một đoạn trường,
Đoạn trường thương tiếng nhạc bên sương.

(1). — Mặt trăng.

(2). — Mặt trời.

(3). — Mạnh-thường-quân qua ải.

(4). — Ông Tô-Định nghe gà gáy dậy múa giuôm.

Đá non thương nỗi hồn tinh-vệ,
Cát bể thương thay kiếp dã-tràng.
Thương kẻ mười năm lòng ái-quốc,
Thương người muôn dặm bóng tư-hương.
Hồi chuông lỏm bõm đương rền rĩ,
Một khúc nam-thương cầm một xoang.

III

Một khúc nam-thương cầm một xoang,
Một xoang thương hát tỉnh tỉnh tang.
Thương con quốc-quốc hồn mê mẩn,
Thương cái da-da vóc võ vàng;
Thương kẻ anh-hùng khi mặt lộ,
Thương người liệt-nữ lúc phong sương.
Nghe hơi mỗ thắm càng thương quá,
Một khúc nam-thương lệ mấy hàng.

IV

Một khúc nam-thương lệ mấy hàng,
Mỗi hàng thương để mỗi sầu vương.
Vọng-phu thương kẻ hồn nèn đá,
Chinh-phu thương người bóng tẻ gương.
Thương chị Hằng-Nga chiều tịch mịch,
Thương nàng Chức-Nữ vẽ thê-lương.
Nghe chim như đục lòng thương nhớ,
Một khúc nam-thương giã một trương.

V

Một khúc nam-thương giã một trương,
Một trương thương để ngẩn ngơ đường.

Thương ông Giã-Nghị khóc triều Hán,
Thương bác Phần-Dương phò nhà Đường.
Thương mấy hồi ve than dưới nắng,
Thương ba tiếng dế khóc ngoài sương.
Giọt đồng thánh thót thương mê mãi,
Một khúc nam-thương nguyệt gác rường.

VI

Một khúc nam-thương nguyệt gác rường,
Gác rường thương mấy bạn đồng hương.
Thương hồ Lăng-bạc dầm danh tiết,
Thương núi Lam-sơn trái tuyết sương.
Thương kẻ binh Nguyên tuyền xã-tắc,
Thương người đuổi Tống mở phong cương.
Thương ai thiên-cổ vì nòi giống,
Một khúc nam-thương ác đã bùng.

TRẦN-PHƯƠNG-LẠM
(*Quỳnh-Lưu*)

Thâm gia cảm tác

Nói chẳng ai nghe, nin chẳng đành,
Ruột tằm vẫn vít suốt năm canh.
Câu văn Giã-nghị ngậm thêm tủi,
Giọt lệ Chi-nè nghĩ cũng tình !
Muốn bước chân đi, đi chẳng tiện,
Toan quay đầu lại, lại càng kinh.
Bốn bề vắng vẻ ngồi trông bóng,
Tiếng quốc xa xa muốn gọi mình.

Đi xe lửa đêm

Gió thổi, sương sa bóng nguyệt mờ,
Tàu quay vùn vut tựa tên đua.
Lửa huỳnh lấp lóe thăm hồn cổ,
Giọng quốc âu-sầu khóc tổ xưa.
Bốn mặt sơn-hà nhin thăm đăm,
Một bầu tâm - sự nghĩ buồn dơ.
Trong toa ý cũng người quen cả,
Uôm gọi nào ai đã muốn thừa !

TRUNG-MAI

Bài hát của tiểu-phu

Ta là con cháu Rồng-Tiên,
Ta nên nhớ đến nước non quê nhà.
Nước non hơi nước non là !
Tổ-tôn gây dựng bao lạ công trình.
Rừng xanh là thú hữu-tinh,
Khi than, khi củi, khi tranh mặc dầu.
Khi xưa quyền được tự - do,
Khi khoan, khi huây, khi hò mặc ta.
Bây giờ sao lại khác xa ?
Khi vào kẻ đón khi ra người đòi.
Ai lên cho đến trên trời,
Mượn thiên-thực xuống mà coi sơn-hà.
Sơn - hà là của ông cha,

Vì đâu mà lại hóa ra quyền trời.
Thanh-sơn lục-tĩnh nào ai ?
Nên xoay trời lại ra đời khai thông.
Cho ta than củi vầy vùng.

TRẦN-PHƯƠNG-LAM

Chiều hôm ở sông Lam

Vàng úa non tây bóng ác mờ,
Người buồn cảnh cũng luống tiêu sơ !
Nhấp như giòng nước vừng trăng khuyết,
Phấp phới nhành cây ngọn gió đưa.
Nọ giải sông Lam, buồm thấp thoáng,
Kìa hòn núi Quyết, bóng lơ thơ.
Tang-thương mấy cuộc ngày thay đổi,
Non nước này ai có biết chưa ?

Ng. H. D. (Vinh)

Thẹn làm trai

Chuông khua bốn bể tiếng lừng vang,
Ngoảnh lại non sông nước mắt tràn.
Cam tiếng đầu đen cùng vũ-trụ,
Đành phôi tóc bạc với tang thương.
Chòm mây phú-qui bay cao thấp,
Ngọn sóng dân-quyền chảy dọc ngang.
Đau đớn trăm vòng khôn mở miệng,
Hai-mươi-lăm triệu giống Hồng-Bàng.

NGUYỄN-HƯỜNG (Huế)

Thuật hoài

Đã mãn xuân rồi hạ thoát qua,
Ngày này tháng nọ cũng ta đà.
Gió dòng những lộn dòng sông suối,
Nắng lửa thêm sâu mặt cỏ hoa.
Dời núi chớ cười người nghĩ đại ;
Sập trời còn có kẻ lo xa.
Lâu nay chỉ quản công chờ đợi.
Chẳng biết bao lâu gặp đo mà.

Cúc nông

TRƯƠNG-GIA-MÒ

Cu môi

Dạ chuột lòng chim gấm chẳng xong,
Nghĩ ra mà gớm chú cu trong.
Cho hay ghét chắc giây gù gáy,
Cũng phải thương nhau nắm máu lòng.
Đã mắc trong vòng xoang mỗi chỉ,
Còn đem cả ổ giùm vào lòng.
Cái ơn lủa nước bao nhiêu đấy ?
Mỗi miệng nào ai kể đến công !

Tây-Hồ tiên-sinh

Lý-thường-Kiệt

Tài ông chẳng hổ với tên ông !
Thật đáng bìa xanh với tượng đồng !

Bốn bề trời Nam yên sóng Ngạc,
Ba châu đất Bắc khiếp oai Rồng !
Ơn nhà cố sức vun chồi Lý !
Nợ nước ra công đắp cội Hồng !
Nước cũ bốn nghìn năm chữa mới !
Người xưa đâu vắng kẻ sau mong !

Mai-Lâm, BUI-NGUYỄN-KINH

Trùng-du Sài-sơn

Cảnh cũ người xưa có phải đây ?
Tây trần mượn chén giải niềm tây.
Non xanh đứng vững trong luồng gió,
Đá trắng phơ màu chia đám mây.
Kinh kệ tai nghe đã mất ruột,
Núi sông mắt thấy lại châu mày.
Thần - tiên thuở trước đâu rồi nhỉ ?
Sanh-chúng trầm-luân Phật có hay ?

CHÂU-DÀN

Gái bị chồng chê

Dẫu chẳng khôn ngoan chẳng vụng về,
Song vì chồng ghét hóa chồng chê.
Tam tông sách giấy còn ghi dạ,
Tứ đức nền xưa giữ một bề.
Trang-diễm dám đâu theo lối điểm,
Sến so cứ giữ thói nhà quê.

Đêm nằm nghĩ phận mà thân tủi,
Giấy rách thời đành giữ lấy lề.

LIÊN-NHƯ

Ông Táo

Ba hòn đất sét vất ba ông,
Huy hiệu xưa rày gọi Táo-công.
Đầu cúi lưng khum đành giấu mặt,
Than nung lửa đốt chẳng nao lòng,
Miễn là xó bếp cho no ấm,
Mặc kiếp trần-gian nổi lạnh lòng.
Hôm sớm nổi cơn gìn giữ kỷ,
Ấy là ơn đức của trời phong.

Vân-An, NG.-BÀ-NHIỆM

Vịnh hoa sen

Danh giá nhà người há phải hèn,
Vì sao lại ở dưới bùn đen ?
Thơm tho đáng gọi hoa quân - tử,
Thanh-bạch thua gì đoá thủy-tiên.
Lúc trẻ ngó sen đã nổi tiếng,
Khi già liên nhục hãy còn tên.
Đim nơi bùn đục bùn không nhiễm,
Gặp hội tòa cao thấy đứng trên.

LIÊN-NHƯ

Cảm tác

Quanh rừng ngan ngát giọng hùm beo,
Một dãy vườn hoang quỉ lại reo.
Véo vót cạnh lồng chim khướu hót,
Oanh oang góc giếng ếch đồng kêu.
Ba châu nhà thổ đờn ca mãi,
Tám kiếp sai nha lệnh lạc nhiều.
Nước hỏi nào dân, dân biết chữa,
Dân sao không tiếng khéo buồn teo.

X. T. T.

Cảm đề

Tài vẫn đơn sơ sức vẫn hèn,
Lò nung khi tiết lửa vừa nhen.
Tinh thần nhức nhối trên ngòai bứt,
Tâm sự bấn khoăn dưới ngọn đèn.
Dạ sắt nung rèn chưa mấy thuở,
Gan vàng chà xát đã từng phen.
Đường trần dầu lắm chông gai nữa,
Gắng sức đi mà tiến bước lên.

ĐƠN-TÂM

Tiếng Quốc kêu.

Quốc, quốc năm canh đóng đả nhiều!
Đêm trường quăng vắng khổ bao nhiêu?

Đầu nhanh tho thóp thân cô quanh,
Dưới nguyệt cheo veo ruột chín chiu.
Cổ rắt van hoài mồm khô héo !
Lưỡi tè uốn mãi máu tuôn theo !
Ai trong giấc mộng ly bì đó ?
Có thấu canh trường tiếng quốc kêu ? ?

DIỄN-ANH

Trong ngục đưa bạn được tha về.

Tiền nhau đây mới thật vô - duyên,
Về trước kia ai đã nhớ quên.
Hoạ chẳng theo vần thi bổ lão,
Uống không sợ phép rượu thẳng điên.
Non sông ai đó phùng Hào-kiệt,
Sách vở nào đâu chữ Thánh hiền.
Buồn rứt nghĩ ra không muốn viết,
Giấy kia còn trắng mực còn đen.

SIÊU-TÙNG

Long-sơn tức cảnh⁽¹⁾

Lên đỉnh Long-sơn liếc mắt trông,
Rõ giới Nam đất Việt mệnh mông.
Ngũ-sơn đối diện song song đảo,
Hồng-lĩnh ngang đầu cửu cửu phong.

(1) Long-sơn ở làng Trung-Kiều (huyện Nghi-Lộc) gần here.

Sóng gió vầy vùng khôn kẻ chống,
Thuyền tàu vững lái thẳng buồm rong.
Non cao bề rộng ai xây tạc,
Khiến khách giang-hồ để mắt ngong.

ĐẬU-VĂN-DANH

Tết

I

Thấp thoáng năm cùng tết lại qua,
Xuân ai kia phải chủ xuân ta ?
Người đà lắm cách chơi bầy trẻ,
Trời cũng không phương đuổi cái già
Thành-thị tung bừng ba tiếng pháo,
Non-sông tô điểm mấy chòm hoa.
Ngàn năm nước cũ bao giờ mới ?
Chén rượu câu thi chút gọi là.

II

Ngày qua tháng lại chiếc thoi đưa,
Lỡ hẹn non sông cái sống thừa.
Hai chục kỷ đời xem lạ thật !
Năm mươi ba tuổi đã già chưa ?
Gấm thêu trăm vẻ trò xuân mới,
Hoa cỏ ngàn năm nước tổ xưa.
Ai nấy đầu xanh xin hãy gắng,
Đền xuân xoay lại cuộc giông mưa.

M. V.



Nhờ ông Táo tâu trời

I

Hăm-ba tháng chap lệ chầu trời,
Về đó nhờ ông hỏi mấy lời :
Bể khổ chúng-sinh chìm nổi mãi,
Buồm từ tể-độ biết nhờ ai ?

II

Buồm từ tể-độ biết nhờ ai ?
Bạc trắng lòng đen thấy thế hoai.
Cái họa chết lòng đã khó chữa,
Ngọc-Hoàng biết có thuốc gì hay ?

III

Ngọc-Hoàng biết có thuốc gì hay ?
Tìm một đời phương để cứu đời.
Giấc ngủ chữa muồi say chữa tỉnh,
Chỉ trông ngày tết đang ăn chơi.

IV

Chỉ trông ngày tết đang ăn chơi,
Bể thăm kia thây ngồn sóng đời.
Nhờ hỏi thử trời cho biết trước,
Bao giờ ngài sẽ dăng thiên-lôi.

VÔ-DANH

Tết rồi

I

Trông tết mà nay tết đã rồi,
Tuồng đời ngấm lại lắm trò chơi.

Thiếp - danh mừng tuổi chồng nên đồng,
Tiếng pháo chào xuân nổ chắc tai.
Nhộn nhức rượu chè bẻ bạn đủ,
Ngõa nguê bánh kẹo trẻ con cười.
Thử đem quyền sở « tiêu xuân » tính,
Một độ xuân về tốn mấy mươi ?

II

Thú xuân còn có cái gì lựa ?
Xin hỏi bà con đã chán chưa ?
Mấy vẽ lâu-dài phong-cảnh khác,
Ngàn năm non nước giống nòi xưa.
Bể-dâu chuyện chả đầy chung rượu,
Àu-Á trò chưa hạ ván cờ.
Xuân lại xuân đi xuân có chủ,
Kìa ai chịu thiếu lại ai thừa ?

X. T. T.

Tết

Tết mới qua đã tết lại ngay,
Tết mình hay tết của ai đây ?
Ba tường pháo chuột nghe thêm điếc,
Mấy ngọn đèn ranh thấy đỏ gay.
Hồn Việt-nam đâu đánh thể hủ !
Ma Chiêm-thành hỡi có oan vay ?
Tết chi chi đó chi chi tết,
Sông bấy nhiêu giòng núi bấy mây.

Đêm nghe mưa

Ông mưa khéo khéo chọc mình chơi,
Bên gối làm chi róc rách hoài.
Nam, Bắc trắng phao nghìn dặm đất,
Hương, Bình đen nghịt nửa vùng trời.
Ơn nên nhuần thấm đều thiên-hạ,
Nước há riêng tây chỉ một nơi.
Rồng hơi đâu ta mây hơi tá?
Đã mưa mưa khắp cả trong ngoài.

Than với con gánh nước

Đầu mun mặt trù có ra gì,
Mà gánh đôi vai trót tháng ngày.
Khổ nổi chết mầy thời chết nước,
Nặng lòng thương nước phải thương mầy.
Nếu không ai khát đành ngồi nể,
Vì có người trông phải giậy đi,
Trách lão giới già sao lăm việc,
Sinh người sinh nước ấy mà chi?

Con gánh nước trả lời

Tớ thấy ông than tớ nực cười,
Trao cho triềng nặng ấy là ai.
Khô khan chúng cũng khô khan cả,
Gánh vác mình sao gánh vác hoài?

Thăm hết mấy sông cùng mấy giếng,
May còn hai cảng với hai vai.
Nếu ông lòng có thương tôi thiệt,
Chắc đã mây mưa rày hoặc mai.

S. N.

Thơ tết

(Ngũ ngôn cổ-thể)

Phơ-phất mấy cây nêu, đi-đùng ba tiếng pháo.
Cái tết ai bày ra ? nhân-tình xem nhiệt-náo.
Tế Sạ từ đời Châu, (1) nông dân được hưu lao. (2)
Chén tử dâng công đường, rượu xuân chúc kỳ-lão. (3)
Bảy giờ tết rất vui, đồng lạc, tình hòa-hảo.
Xuống đến đời Xuân-thu, lễ suy thêm tục sáo.
Ông Khổng xem tế Sạ, thở than nhớ đại-đạo. (4)
Người nước Lỗ say cuồng, ông Tứ lòng ảo-nảo. (5)

(1) Đời Châu bên Tàu có lễ tế Sạ cũng như lễ Tết.

(2) Lễ Sạ đề an ủy hưu tức dân làm ruộng. Sách Lễ-kinh có câu : Lao nông dĩ hữu tức.

(3) Sách Thi-kinh có câu : Tế bĩ công-đường, xưng bĩ tử-quảng, nghĩa là dân đời Châu lên nhà công mà dâng chén rượu tử-quảng chúc thọ. Lại có câu : Vi tử xuân tửu di dốt mi thọ, nghĩa là làm rượu xuân chúc mấy người già.

(4) Ông Khổng-tử xem lễ tế Sạ mà ngai nhớ đến chủ-nghĩa đại-đồng. Ngài có nói : Đại-đạo chi hành, thiên-hạ vi công.

(5) Nước Lỗ tế Sạ, thầy Tử-cống tên Tứ than rằng : Người nước Lỗ say cuồng hết thấy.

Họ ta giòng Hồng-Lạc, qui-lịch theo Đường-

[Nghieu. (6)

Bánh chưng và bánh tét, ăn tết từ Hùng-Liêu. (7)

Ngày xưa lễ tục giản, về sau phiền-văn nhiều.

Hâm-ba lễ thần Táo, ba mươi lễ lên nêu,

Trừ-tịch rồi nguyên-đán, nhơn-nhật với hoa-

[triều. (8)

Bảy ngày lo đơm cúng, nửa tháng ngồi ăn tiêu.

Kẻ bói tuồng rap bói, người xin xăm bói Kiều.

Kẻ tam hương, tứ sắc, người bài điểm, tiếm treo.

Năm mới đáp lễ nhau, đường sá người liên lạc.

Đạp đất kị mai xưa, quét nhà kiêng đổ rác.

Khai hạ mới ăn làm, khai trương mới bán chác.

Nơi nơi chúc giàu sang, nhà nhà mừng tuổi tác.

Chẳng trách ông Tú-Xương, mượn câu thơ cười

[lạt. (9)

Đã tốn tiền đốt vàng, lại chạy tiền đốt bạc.

Trẻ con cũng rượu chè, cũng vào sông đồ-bác.

Năm mới thấy mới gì? phong-hóa gần suy nát.

Nhà giàu phí vô ích, khổ thay con nhà nghèo!

(6) Xưa đời Hùng-Vương nước ta có dâng một con rùa lâu năm cho vua Đường-Nghieu, rồi vua Đường-Nghieu chế ra một thứ lịch, gọi là qui-lịch.

(7) Đời Hùng-Vương ăn Tết có người con là Hùng-Liêu chế ra mấy thứ bánh chưng gọi là địa-bình bánh tét gọi là thiên-bình.

(8) Trong bảy ngày Tết có đặt tên là nhơn-nhật kê-nhật v. v. — Hoa-triều là ngày 12 tháng 2.

(9) Ông Trần-kế-Xương có bốn bài thơ tết khôi-hại ngụ ý cười đời.

Dường-thờ không cô-cứng, ngọn đèn dầu leo heo.
Gạo không tiền cũng ráo, nhà trống gió thổi veo.
Ba mươi tết trốn nợ, ba bữa tết nằm queo.
Nào ai đến hỏi thăm, đầy sân bùn lẫn rêu.
Tết kéo dài một tuần, làm thuê không ai kêu.
Động rừng chưa có lễ, phải gác búa anh tiều.
Tiền cây tiền tát nước ; lãnh trước không bao
[nhiều.

Mặc ai vui cảnh tết, nghèo thấy tết buồn thiu.
Xưa kia Lữ-mông-Chánh (10), không có tiền tiêu tết.
Ngày nay Mông-Chánh nhiều, ông Táo không tàu
[hết.

Đưa tổng con quỉ nghèo, xe liều nhờ ai kết ? (11)
Các nước văn-minh kia, hư tục đã gió quét.
Tết họ chỉ một ngày, hưu hạ không bày việc.
Giàu không quăng tiền toi, nghèo không hành xác
[mệt.

Hồi đồng-bảo ta nay, cân-quắc và tu-mi !
Năm cũ qua năm mới, đeo thối hủ làm chi !
Giàu chớ huy hoác thàm, hãy thương người hàn-vi.
Nhơn-đạo ngày một rõ, thần-quyền ngày một suy.
Bắt từ năm nay đầu, xin chớ chúc « tân-hi ».

(10) Lữ-mông-Chánh người đời Tống bên Tàu có bài thơ « Đưa ông Táo-quân » tỏ sự nghèo túng nhờ ông Táo-quân tàu vớt trời.

(11) Ông Hàn-dũ có bài văn « tổng cùng » nghĩa là đưa tổng cái nghèo, đại ý nói kết một cái xe liều để đưa tổng con quỉ nghèo đi.

Chúc kẻ lớn : tân-đức, chúc kẻ bé : tân-tri.
Xin chớ chúc chữ « giàu », đây giàu đó nghèo đi.
Xin chớ chúc chữ « sang », đây tôn đó phải ti.
Mong sao đến « đồng-lạc », hưởng phúc dân Mân-
[kỳ ! ! (12)
C. H.

Muốn hỏi Ngọc-Hoàng

I

Biết cây ai lên hỏi Ngọc-Hoàng,
Ngôi cao ỷ thế cứ làm ngang.
Nắng mưa trước đã quai thời tiết,
Bão lụt nay còn khuấy thế gian.
Bi nước cóc kia đành ngậm miệng,
Đau lòng gỗ nọ khó kêu oan.
Cầm cân Tạo-hóa rành không đúng,
Dân đói mà sao chẳng đói quan ?

II

Ngọc-Hoàng phán

Mau mau xuống sắc gã Nam-tào,
Xét nạn dân kia thử thế nao ?
Đã bị ruộng khô rồi bão lớn,
Còn phần thuế nặng lại xâu cao.

(12) Dân Mân-kỳ là dân đời nhà Châu bèo Tâu đã cùng nhau đồng lạc đồng lợi.

Tội tình chúng nó gì nên vậy ?
Chức-phận nhà người phải nghĩ sao ?
Có tình phương chi thời giúp đỡ,
Ngặt nghèo như vậy thắm dường bao.

III

Nam-tào tẩu

Chúng tôi vưng sắc Ngọc-Hoàng sai,
Xét nạn dân kia đã rõ mười.
Nước bốn-ngàn năm văn-hiến sẵn,
Dân hăm-lăm triệu dã-man hoài.
Đói nghèo kêu réo cùng phương kế,
No ấm đua nhau lại phí-xài.
Bão lụt như vầy đà mấy tí,
Đè đầu bóc lột mới là quai.

TUYẾT-ĐÀO

Xuân cảm

Muôn nghìn xuân cũ cái xuân già,
Gớm mặt năm này chú lại ra.
Quen thói bài cờ hư lỗ trẻ,
Nỡ lòng vàng bạc đối ông cha.
Quyền nhà tư-bản năm thêm một,
Lợi khách hoa-hồng giá bội ba.
Xuân chẳng thương tình dân Việt đói,
Cứ xây ngày Tết lại mau qua.

Hoà-Giang

NGUYỄN-NGỌC-CHÂM

Thơ mừng tuổi nước Việt-Nam

I

Tuổi nước Nam ta đã mấy mươi.
Dân mừng tuổi nước cũng buồn cười.
Đinh, Lê, Trần, Lý thay nền xã,
Nguyên, Tống, Minh, Thanh trải cuộc đời.
Con cháu rồng tiên mười bảy triệu,
Bạc vàng non biển tám phương trời.
Bốn nghìn năm lẻ già như thế,
Già thế sao còn nết trẻ chơi ?

II

Trẻ chơi chi mãi trẻ chơi hoài ?
Chuông đục văn-minh rộn khoe tai.
Bánh chợ mẹ lừa hờn sẽ nín ;
Roi mây cha dọa nghịch nào ai.
Mặn mè giặc điệp năm canh suốt ;
Bay nhảy thân loạn bốn bề ngoài.
Hai chữ trường-sinh mừng tuổi nước,
Nhờ ai cầu nguyện chốn thiên-thai.

GAO-HUY-LƯƠNG

Anh liều

Miền cho có gạo bỏ vào nồi,
Nào khóc nào than cũng mướt ai.
Kẻ trộm chouri hoài nào mấy chết,

Tốt quan (1) cười cũng kệ thầy người.
Thiệt thà cho lắm cùng thành đất,
Gian xảo xem ra cũng sừng đời.
Bia xấu sử hay nào chẳng kể,
Miễn cho có gạo bỏ vào nồi.

Đồng-hội — NGUYỄN-THỰC-QUỐC

Chiêm-thành

Cũng nhà cũng nước cũng lâu đài,
Di-tích nay còn sót một hai.
Thành rộng xanh xao đồng lúa tốt,
Tháp cao xờ xạc cùm cây còi.
Nước xưa một cõi non cùng biển,
Tượng đá ngàn thu ngựa với voi.
Vũ-trụ tuần-hoàn ghê gớm nhỉ,
Thương ai mà cũng sợ cho ai.

Cúng nhảm

Thần-quyền nay đã mất đầu rồi,
Sao cứ thờ luôn chẳng thấy thời?
Góc xóm nguy nga đèn bản-xứ,
Gốc cây chồng chất miệng binh-võ.
Ngày qua tháng lại nào oai phước,
Kẻ cúng người đơm vạ thịt xôi.

(1) Noi người Tàu: Tiểu-mạ hoàn tha tiểu mạ, hão quan ngã tự vi chi.

Ngọn sông nhân-quyền reo bốn mặt,
Xin thần thôi chớ phỉnh dân tôi.

Bồng-Sơn — BẦY-SĨ

Trò đời

Trò đời tráo chạc lạ lòng thay,
Trưởng tới ời thôi luống thở dài.
Hỏi chi kinh-luân người cúi mặt,
So tài thao-lược chúng khoanh tay.
Giang-sơn điên đảo không người đoái,
Danh-lợi lẫn-chen lắm kẻ say.
Thử hỏi mây râu ai đó tá,
Ơn nhà nợ nước tính sao đây.

Thủ-bút — PHAN-NIÊM

Tức sự

Tận đâu cho thấu đến ông trời,
Hỏi đã sanh người ở cõi đời.
Sao có kẻ ngay cùng kẻ vạy?
Đề cho ai khóc lại ai cười?
Riêng than chẳng những mình chi tở,
Lăn trách cùng chung biết mấy người.
Nhấn nhít tuồng chèo điên đảo thế,
Phủ trời ta thử để ngồi coi.

V. G. B.

Tự ngụ (Sao lục)

Vậy là may ! tài học có gì đâu, theo đòi vừa phân lại vừa duyên, nào xe, nào ngựa, nào biếng, nào cò, nào thẻ bạc, đai vàng, nào dù xanh vồng tía, quan trọng năm bảy tháng, quan ngoài chín mười năm, mặc tài-tình mà trong cuộc kiếm-cung, trải Nam-kỳ Bắc-hạt khắp đôi miền, mùi thế nếm chơi ngàn ấy đủ.

Thôi cũng chớ, phong trần chỉ mấy tá, ngắt ngưỡng chẳng tiên cùng chẳng tục, này kiêu, này cò, này thơ, này rượu, này chè lan chén cúc, này đàn ngọt hát hay, hầu gái chín mười cô, hầu trai năm bảy chú, khách danh - lợi mà ngoài vòng cương-tỏa, mượn trí-thủy nhân-sơn làm bạn hữu, tuổi trời lên mãi ấy là hơn.

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

Đi buồn

I

Bước chân đi tới chốn thương-tràng,
Trông ngẫm mà buồn, lệ chứa chan.
Gầm vóc của nhà trôi lĩnh-lãng,
Thuyền chài các nước bủa nghênh ngang.
Hoạ-kiều đã chán xung quanh ở,
Nhật-bản còn toán găm ghé sang.
Quyền-lợi bao nhiêu người chiếm hết,
Giống-nòi thương nỗi chĩa làm than.

II

Lầm than này nghĩ có đau không ?
Ở bạn mây rầu, cháu Lạc-Hồng !
Đem lửa nhiệt-thành sôi chớ nguội,
Mở nguồn kinh-tế chảy cho thông.
Hợp bầy gìn giữ giây thân-ái,
Góp sức lo toan cuộc đại-đồng.
Dành xé thôi đừng tham lợi nhỏ,
Cùng nhau thêu dệt bức non sông.

III

Non sông vừa gặp hội đua chen,
Giỏi được ương thua cái lẽ hằng,
Tia đuốc nhân-quyền soi đã khắp,
Ngọn trào tấn-hóa cuộn khôn ngăn.
Người đều đứng dậy bay và nhảy,
Ta lẽ nằm yên ngủ với ăn.
Tiếng mõ ngày nào nghe cũng chác,
Bà con ai hỡi bước cho phẳng !

VẠN-LÝ-BẮNG

Ở tù mừng bạn thi đỗ

(Sao lục)

Kệ thầy chúng nó, thi mà chi, đỗ cũng mà chi,
làng đòi phen quên thói phong lưu, nào là rượu
đầy bàn, đàn đầy vách, sách đầy án, bạn đầy nhà,
nghênh ngang phong nguyệt bốn mùa, chơi đã du
điều, ai có lạ chi phường mặt trắng.

Còn có lũ mình, tội cũng vậy, tù mà cũng vậy,
may gặp lúc xoay nên thời thế, thử xem miệng
như tép, mép như rồng, tiếng như cồng, mắt như
đuốc, xốc vác giang-sơn một gánh, làm cho xong
việc, ta về hỏi thử bạn non xanh.

SIÊU-TÙNG

Nguyên-đán ngẫu-đề

I

Cùng nhau mở cửa rước xuân vào,
Xuân biết cho chẳng nổi ước ao ?
Những đợi cùng xuân thêm vẻ mới,
Mời ta, mời khách, mời đồng-bào.

II

Đồng-bào đã thực mới hay chưa ?
Hay mới mình thôi óc vẫn xưa.
Gặp tiết xuân này nên mới mới,
Mới rồi, thôi cũ bảo nhau chừa.

III

Chừa ngay thôi cũ hỡi ai ơi !
Tỉnh lại mau mau kéo muộn rồi.
Bốn bề đâu đâu đều mới cả,
Ta còn giữ cũ nữa hay thôi ?

NGUYỄN-TRƯƠNG-NHUY

NHỮNG SÁCH CÓ BÁN TẠI BẢN-QUÁN

Sách bản-quán xuất-bản :

	giá		giá
Hỏa-xả chỉ-nam	0\$30	Chuyện vui	0\$09
Phép nuôi gà	0\$18	Vận văn I	0\$08
Phép nuôi tằm	0\$12		

SÁCH ĐẠI-LÝ :

Duyên thơ	0\$25	Truyện ném bút II	0\$06
Nam-Quốc nữ lưu	0\$40	Vấn-đề sinh-mệnh	0\$20
Xã-hội-luận	0\$25	Đông-Tây văn-hóa II	0\$18
Xã-hội	0\$20	Phụ-nữ vận-độn	0\$20
Việt-Nam dã-thặng	0\$10	Chính-trị Trung-hoa	0\$20
Họa-tình	0\$25	Quân-trị Dân-trị	0\$10
Nữ-công thường-		Thực-dân lịch-sử	0\$40
thức II	0\$20	Đông-Tây vĩ-nhân	0\$35
Chí phục-thù	0\$25	Sách thuốc gia dụng	0\$35
Pháp-luật	0\$20	Sinh-tồn cạnh-tranh	0\$20
Gia-đình và xã-hội	0\$20	Giết ai cứu ai	0\$17
Dân-quyền II	0\$17	Mục-trường rước sói I	0\$16
Những gương anh-hùng	0\$15	Tôn-giáo	0\$20
Kinh-tế học I	0\$25	Chính-trị nước Nhật	0\$17
Kinh-tế học II	0\$40	Đàn bà vì sao mà	
Thôi-miên học II	0\$35	kiều-nhược	0\$20
Truyện ném bút I	0\$06		

Ai mua, xin chiếu giá gởi tiền và nhớ gởi thêm 0\$13 cước. Nếu mua hai quyển trở lên thời thêm mỗi quyển 0\$03 nữa.

Tiếng-dân